

BẢN TIN THAN NGÀY

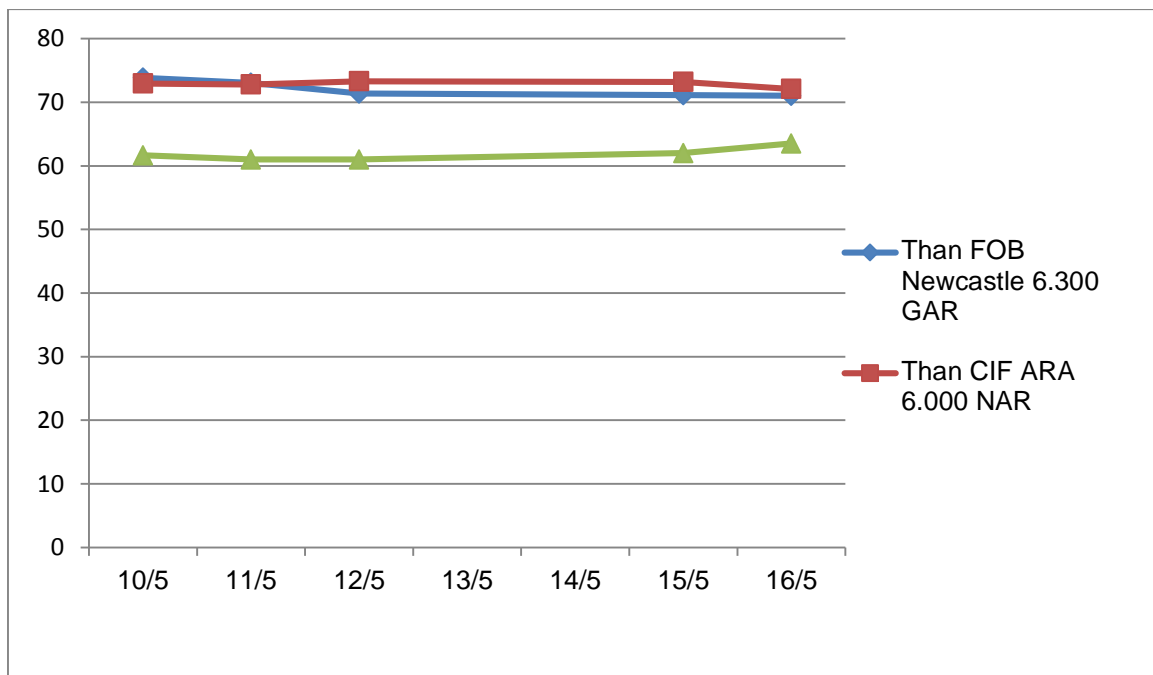
Ngày 19/05/2017

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	71,00	- 0,10	72,10	+ 0,45
CIF ARA 6.000 NAR	72,10	- 1,10	71,25	- 0,20
FOB Richards Bay 5.500 NAR	63,50	+ 1,50	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	69,00	+ 0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	53,50	+ 0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	42,20	- 0,50	289,68	- 3,67
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	60,00	- 0,40	411,87	- 3,08
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	70,50	- 0,70	483,95	- 5,20

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 16/05/2017)

DIỂM TIN

Ngành khai thác mỏ của Colombia có thể kêu gọi đầu tư lên đến 1,5 tỷ USD/năm

Ngành khai thác mỏ có thể trở thành động lực tăng trưởng kinh tế của Colombia với mức đầu tư ít nhất 1,5 tỷ USD/năm trong 5 năm tới nếu Chính phủ đảm bảo môi trường pháp lý cho các doanh nghiệp. Các công ty khai thác mỏ lớn đang kêu gọi Chính phủ cải thiện chất lượng các cuộc tham vấn và bỏ phiếu về các dự án khai thác khoáng sản, lập luận rằng sự không chắc chắn về luật pháp là thách thức lớn nhất của ngành. "Nếu chúng ta có được những điều kiện đầu tư mà chúng ta muốn, với tư cách là hiệp hội và ngành công nghiệp, chúng ta có thể thu được từ 1,5 đến 1,7 tỷ USD đầu tư mỗi năm và tổng cộng 7,5 tỷ USD trong 5 năm", ông Santiago Angel, người đứng đầu Hiệp hội Khai thác mỏ Colombia, trả lời Reuters. Ông nói: "Đây là ngành công nghiệp mang lại từ 2,5 tỷ đến 3 tỷ USD/năm trong những năm phát triển nhất. Thật không may, năm 2015 và đặc biệt là năm 2016 là những năm suy thoái—và mức đầu tư đã giảm xuống gần mức 0".

Hai ngành khai thác mỏ lớn nhất của Colombia là than và vàng. Các công ty khai thác than lớn nhất là Drummond, Glencore, Murray Energy, Columbia Resources, và Cerrejon sở hữu bởi BHP Billiton, Anglo American và Glencore. Theo thống kê của Chính phủ, trong năm 2016, nền kinh tế đã tăng trưởng 2%, giảm tốc so với năm trước, trong đó ngành khai thác mỏ giảm nhiều nhất với 6,5%. Các công ty khai thác mỏ phàn nàn về sự thiếu rõ ràng của các dự án khai thác mỏ trong các cuộc họp với cộng đồng, cũng như tốc độ cấp phép môi trường chậm và những cuộc biểu tình thường xuyên ngăn cản hoạt động thăm dò và sản xuất.

(Nguồn: <http://www.miningweekly.com>)

Chính phủ Ukraine cấp giấy phép xuất khẩu than anthracite

Theo cơ quan báo chí của Bộ Phát triển Kinh tế và Thương mại Ukraine, Hội đồng tối cao của nước này đã ra quyết định cấp giấy phép xuất khẩu than anthracite. Nghị định có liên quan đã được ban hành để thực hiện quyết định của Hội đồng an ninh quốc phòng (RNBO) từ ngày 16/2/2017. Quyết định này nhằm đảm bảo sự cân bằng trong thị trường than nội địa, ngăn chặn việc không kiểm soát được than anthracite xuất khẩu và cung cấp hướng dẫn đầy đủ cho các NMNĐ sử dụng than anthracite. Giấy phép sẽ được trao dưới sự chấp thuận của Bộ Năng lượng và Công nghiệp Than và không phụ thuộc vào các doanh nghiệp theo trao đổi thông tin của Chính phủ.

(Nguồn: <http://112.international>)

Than được chào giá thấp để thích ứng với thị trường Trung Quốc

Các công ty than Úc và Indonesia đã hạ giá chào bán trong phiên giao dịch thứ 4 do các khách hàng Trung Quốc giảm giá mua vào. Giá than nhiệt Trung Quốc đã trải qua đợt sụt giảm mạnh, giảm 100 NDT/tấn (14,50 USD/tấn) từ giữa tháng 3 đến nay, dẫn đến sự sụt giảm mạnh giá than nhập khẩu vào nước này. Theo các công ty Trung Quốc, giá chào than nhiệt FOB Newcastle 5.500 kcal/kg NAR độ tro cao giao trong tháng 6 trên tàu Capesize đã giảm xuống chỉ còn 60 USD/tấn. Một công ty Singapore hiện đang chào than Úc CFR tại Nam Trung Quốc 5.500 kcal/kg NAR ở mức 72 USD/tấn, và cho biết giá giao ngay đã giảm xuống chỉ còn 70 USD/tấn.

Trên thị trường than Newcastle 6.000 kcal/kg NAR, 1 chuyên hàng 25.000 tấn trong tháng 7 đã được giao dịch ở mức 74,25 USD/tấn FOB trên globalCOAL, giảm mạnh từ mức 80 USD/tấn ngày 24/4. Các nguồn tin cho biết, thị trường giao ngay tại Nhật Bản không có hoạt động giao dịch đáng kể trong tháng 5 sau khi một số NMNĐ lớn của Nhật đóng thầu. Chỉ có 1 NMNĐ Nhật Bản, Daio Paper, mua than Newcastle trong tuần vừa qua, nhưng các nguồn tin cho biết gói thầu này không tham khảo giá thị trường mà đưa ra mức giá cố định.

(Nguồn: Platts)

Giá than kỳ hạn Nam Phi tăng

Giá than kỳ hạn Nam Phi đã tăng cao do giá giao ngay và giá hợp đồng than Úc 6.000 kcal/kg NAR tăng. Giá than API 4 kỳ hạn tháng 6, tháng 7 lần lượt tăng 1,45 USD/tấn và 1,5 USD/tấn trong thứ 4 lên mức 75,45 USD/tấn và 75,8 USD/tấn. Theo Argus, trong thứ 3 giá than FOB Richards Bay 6.000 kcal/kg NAR (RB) đã lên mức 72,47 USD/tấn, tăng 1,59 USD/tấn so với ngày thứ 2—mức

tăng cao nhất kể từ ngày 4/4. Sau đó giá đã giảm nhẹ 0,03 USD/tấn xuống còn 72,44 USD/tấn trong ngày thứ 4. Một chuyến hàng 50.000 tấn than FOB Richards Bay được giao dịch giao trong tháng 7 với giá 73/tấn, thấp hơn so với giá API 4, 75,8 USD/tấn. Giá API 4 tăng theo giá hợp đồng than FOB Newcastle nhiệt trị tương đương. Giá than FOB Newcastle 6.000 kcal/kg NAR giao tháng 6 và tháng 7 đã tăng lần lượt 1,15 USD/tấn và 1,10 USD/tấn so với đầu tuần lên mức 72,75 USD/tấn và 72,60 USD/tấn.

(Nguồn: Argus)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	6,85	- 0,10
	Queensland	Nhật Bản	8,00	- 0,10
	New South Wales	Hàn Quốc	8,15	- 0,10
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	10,70	+ 0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	6,55	- 0,30
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	11,00	+ 0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	5,55	- 0,30
	Úc	Trung Quốc	8,75	- 0,05
	Úc	Ấn Độ	10,65	- 0,10

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 16/05/2017)